

Bản án số: 156/2024/DS-PT
Ngày: 29-3-2024
V/v "Tranh chấp
hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH

- **Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Thùy Trang

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Quốc Tuấn.

Ông Nguyễn Văn Nam.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Lê Thị Bảo Thoa, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa:** Bà Đoàn Thị Thủy Tiên, Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 3 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 484/2023/TLPT-DS ngày 09 tháng 11 năm 2023, về việc: "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 138/2023/DS-ST ngày 18 tháng 9 năm 2023, của Tòa án nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 124/2024/QĐ-PT ngày 05 tháng 3 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 02/2024/QĐPT-DS ngày 14 tháng 3 năm 2024, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Phạm Thị Thúy H, sinh năm 1974; địa chỉ: tổ G, khu phố A, thị trấn T, huyện T, tỉnh Tây Ninh (vắng mặt).

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Chị Nguyễn Thụy Hải Đ, sinh năm 1977; địa chỉ: khu phố H, phường H, thị xã H, tỉnh Tây Ninh, là người đại diện theo ủy quyền (văn bản ủy quyền ngày 07/3/2023). Có đơn xin xét xử vắng mặt.

Bị đơn: Chị Đỗ Thị H1, sinh năm 1979, (có mặt)

Anh Phan Văn H2, sinh năm 1970, (vắng mặt)

Cùng địa chỉ: số H, tổ A, khu phố A, thị trấn T, huyện T, tỉnh Tây Ninh.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: Anh Trần Quốc T, sinh năm 1987; địa chỉ: Số A, đường N, khu phố H, phường H, thành phố T, tỉnh Tây Ninh, là người đại diện theo ủy quyền (văn bản ủy quyền ngày 25/7/2023) (có mặt).

Người kháng cáo: Chị Đỗ Thị H1 và anh Phan Văn H2 là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 08 tháng 3 năm 2023 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, đại diện nguyên đơn chị Nguyễn Thụy Hải Đ trình bày:

Ngày 05/4/2022 chị H có cho chị H1 vay số tiền là 800.000.000 đồng, hình thức cho vay tiền mặt, việc cho vay có làm giấy, không hạn thời gian trả, lãi suất 2%/tháng. Đến ngày 05/5/2022 chị H1 trả được 400.000.000 đồng nên còn thiếu lại 400.000.000 đồng.

Ngày 15/6/2022 chị H cho chị H1 vay số tiền 300.000.000 đồng, hình thức cho vay là chuyển khoản, không hạn thời gian trả, tính lãi 2%/tháng. Đến nay chưa trả được số tiền nào.

Ngày 18/7/2022 chị H cho chị H1 vay số tiền là 150.000.000 đồng, hình thức cho vay là chuyển khoản, không hạn thời gian trả, tính lãi 2%/tháng. Đến nay chưa trả được số tiền nào.

Ngày 12/12/2022 chị H cho chị H1 vay số tiền 1.300.000.000 đồng, hình thức cho vay là chuyển khoản, không hạn thời gian trả, tính lãi 2%/tháng. Đến nay chưa trả được số tiền nào.

Ngày 14/12/2022 chị H cho chị H1 vay số tiền 200.000.000 đồng, hình thức cho vay là chuyển khoản, không hạn thời gian trả, tính lãi 2%/tháng. Đến nay chưa trả được số tiền nào. Tổng cộng 2.350.000.000 đồng.

- Trong quá trình cho chị H1 vay tiền thì chị H sử dụng tài khoản A, số TK: 5710236236868 và tài khoản V, TK: 0701000400995 tên Phạm Thị Thúy H. Ngoài ra không giao dịch tài khoản nào khác.

Nay chị H yêu cầu chị H1, anh H2 trả số tiền 2.350.000.000 đồng tiền vay và yêu cầu tính lãi từ ngày 14/12/2022 cho đến khi xét xử, yêu cầu tính lãi 1,66%/tháng.

Ngoài ra chị H còn cho rằng vào ngày 07/6/2022 chị H có cho chị H1 vay số tiền 1.000.000.000 đồng, đến ngày 10/6/2022 chị H1 trả được 500.000.000 đồng. Đến nay còn thiếu 500.000.000 đồng chưa trả. Tổng cộng 2.850.000.000 đồng, trong đó có trả được 300.000.000 đồng ngày 04/7/2022, vậy chị H1 còn nợ lại 2.550.000.000 đồng. Do đơn khởi kiện chị H đã yêu cầu trả 2.350.000.000 đồng nên nay chị H yêu cầu chị H1, anh H2 trả số tiền gốc là 2.350.000.000 đồng còn lại 200.000.000 đồng chị H sẽ khởi kiện trong vụ án khác.

Chị Hải Đ không thừa nhận việc chị H đã nhận số tiền 300.000.000 đồng là của khoản vay ngày 15/6/2022, lý do:

- Ngày 10/10/2022 chị H1 tổng kết tiền nợ bằng giấy viết tay, ghi còn nợ khoản vay ngày 15/6/2022 là 300.000.000 đồng (có kèm theo chứng cứ nộp cho Tòa án).

- Chị H đồng ý ngày 04/7/2022 có nhận của chị H1 300.000.000 đồng tiền gốc nhưng đó là tiền gốc của khoản vay khác.

Người đại diện cho bị đơn chị Đỗ Thị H1, anh Trần Quốc T1 trình bày: Chị H1 thừa nhận có vay của chị H 05 lần với tổng số tiền 2.350.000.000 đồng cụ thể như sau:

Ngày 15/6/2022 chị H1 có vay của chị H số tiền 300.000.000 đồng, có tính lãi là 3%/ngày. Đến ngày 04/7/2022 chị H1 trả cho chị H số tiền 300.000.000 đồng tiền vay và tiền lãi 15/6/2022 đến ngày 04/7/2022 là 20 ngày x 3% = 18.000.000 đồng tiền lãi. Sau khi trả tiền vay 300.000.000 đồng nhưng chị H1 vẫn chuyển trả lãi từ ngày 15/8/2022 đến ngày 14/9/2022 là 31 ngày với lãi suất 2,5%/ngày thành tiền là 23.250.000 đồng, hình thức trả lãi chuyển khoản vào ngày 21/9/2022 số tiền 34.850.000 đồng (trong đó 11.625.000 đồng là tiền lãi của số tiền vay 150.000.000, vay ngày 18/7/2022); trả lãi từ ngày 15/9/2022 đến ngày 15/10/2022 là 30 ngày x lãi suất 2,5%/ngày = 22.500.000 đồng; trả lãi từ ngày 15/10/2022 đến ngày 15/11/2022 là 30 ngày x lãi suất 2,5%/ngày = 22.500.000 đồng, hình thức trả lãi là chuyển khoản vào ngày 11/11/2022 số tiền 52.500.000 đồng, 24/11/2022 số tiền 11.250.000 đồng vì chuyển khoản lãi tháng 11 của 03 khoản vay 400.000.000 đồng, 300.000.000 đồng trả gốc rồi nhưng quên và khoản 150.000.000 đồng; trả lãi từ ngày 15/11/2022 đến ngày 15/12/2022 là 30 ngày x lãi suất 2,5%/ngày = 22.500.000 đồng, hình thức trả là chuyển khoản 02 lần vào các ngày 22/12/2022 số tiền 15.600.000 đồng và ngày 16/12/2022 số tiền 6.900.000 đồng; trả lãi từ ngày 15/12/2022 đến ngày 15/01/2023 là 30 ngày x lãi suất 2,5%/ngày = 22.500.000 đồng.

Ngày 05/4/2022 chị H1 vay của chị H số tiền 800.000.000 đồng, tính lãi suất 2,5%/ngày. Sau khi vay chị H1 có trả lãi từ ngày 05/4/2022 đến ngày 05/5/2022 là 31 ngày x 2,5% = 62.000.000 đồng. Đến ngày 05/5/2022 chị H1 trả cho chị H số tiền 400.000.000 đồng và còn thiếu lại 400.000.000 đồng. Sau khi vay thì chị H1 trả lãi 2,5%/ngày từ ngày 05/5/2022 đến ngày 05/6/2022 là 31 ngày = 31.000.000 đồng; trả lãi từ ngày 05/6/2022 đến ngày 05/7/2022 là 30 ngày với số tiền 30.000.000 đồng thông qua chuyển khoản 02 lần vào ngày 11/7/2022 với số tiền 25.000.000 đồng và 5.000.000 đồng còn lại ngày 11/7/2022 chuyển chung số tiền lãi 50.000.000 đồng. Trong đó, 45.000.000 đồng là tiền lãi của số tiền vay 500.000.000 đồng ngày 10/6/2022; trả lãi từ ngày 05/6/2022 đến ngày 05/7/2022 là 30 ngày = 30.000.000 đồng; trả lãi từ ngày 05/8/2022 đến ngày 05/9/2022 là 31 ngày = 31.000.000 đồng thông qua chuyển khoản chung vào các ngày 12/9/2022 là 10.000.000 đồng, ngày 14/9/2022 là 34.500.000 đồng và 3.000.000 đồng, ngày 16/9/2022 là 30.000.000 đồng tổng là: 77.500.000 đồng; trả lãi từ ngày 05/9/2022 đến ngày 05/10/2022 là 30 ngày lãi 2,5%/ngày = 30.000.000 đồng thông qua chuyển khoản vào ngày 11/10/2022. Trả lãi từ ngày 05/10/2022 đến ngày 05/11/2022 là 30 ngày, lãi 2,5%/ngày với số tiền 30.000.000 đồng thông qua chuyển khoản vào ngày 11/11/2022 số tiền 52.500.00 đồng, 24/11/2022 số tiền 11.250.000 đồng là chuyển khoản lãi tháng 11 của 03 khoản vay 400.000.000 đồng, 300.000.000 đồng trả gốc rồi nhưng quên và khoản 150.000.000 đồng. Trả lãi từ ngày 05/11/2022 đến ngày 05/12/2022 là 30 ngày, lãi 2,5%/ngày với số tiền 30.000.000 đồng thông qua chuyển khoản 02 lần vào các ngày 12/12/2022 số tiền 22.500.000 đồng và ngày 13/12/2022 số

tiền 7.500.000 đồng. Trả lãi từ ngày 05/12/2022 đến ngày 05/01/2023 là 30 ngày lãi 2,5%/ngày với số tiền 30.000.000 đồng.

Nay chị H1 đồng ý trả cho chị H số tiền 2.050.000.000 đồng nhưng trừ vào tiền lãi vượt quá quy định cụ thể như sau: Khoản vay 400.000.000 đồng thì tiền lãi vượt là 228.000.000 đồng; khoản vay 300.000.000 đồng thì tiền lãi vượt là 112.500.000 đồng; khoản vay 150.000.000 đồng thì tiền lãi vượt là 53.000.000 đồng; khoản vay 1.300.000.000 đồng thì tiền lãi vượt là 115.500.000 đồng; khoản vay 200.000.000 đồng thì tiền lãi vượt là 17.000.000 đồng. Tổng cộng lãi vượt là 526.000.000 đồng; nên tiền vay 2.050.000.000 đồng – 526.000.000 đồng = 1.524.000.000 đồng thì chị H1 đồng ý trả số tiền này.

Người đại diện cho bị đơn anh Phan Văn H2, anh Trần Quốc T1 trình bày: Anh H2 là chồng của chị H1, việc chị H1 vay tiền của chị H, anh H2 không biết. Nay anh H2 không đồng ý liên đới trả số tiền trên.

Tại Bản án Dân sự sơ thẩm số:138/2023/DS-ST ngày 18 tháng 9 năm 2023, của Tòa án nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh quyết định:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Phạm Thị Thúy H tranh chấp hợp đồng vay tài sản đối với chị Đỗ Thị H1.

Buộc chị Đỗ Thị H1, anh Phan Văn H2 có nghĩa vụ trả cho chị Phạm Thị Thúy H số tiền vay 1.895.120.000 đồng, tiền lãi 287.325.460 đồng. Tổng cộng 2.182.445.000 (hai tỷ một trăm tám mươi hai triệu bốn trăm bốn mươi lăm nghìn) đồng.

Kể từ ngày bên được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án nếu bên phải thi hành án chưa thi hành hết số tiền như đã nêu trên thì hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu thêm tiền lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả, theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Phạm Thị Thúy H yêu cầu chị Đỗ Thị H1, anh Phan Văn H2 trả thêm số tiền 300.000.000 đồng (ba trăm triệu) đồng.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo.

Ngày 02/10/2023, chị Đỗ Thị H1, anh Phan Văn H2 kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm, chấp nhận yêu cầu trừ tiền lãi vượt và không chấp nhận yêu cầu anh H2 liên đới cùng chị H1 chịu trách nhiệm trả nợ cho chị H.

Tại phiên tòa, Người đại diện hợp pháp của anh H2, chị H1 giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng: Tòa án thụ lý vụ án và quyết định đưa vụ án ra xét xử bảo đảm đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng trình tự, thủ tục đối với phiên tòa dân sự; các đương sự thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình.

- Về nội dung: Căn cứ vào chứng cứ trong hồ sơ vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của anh H2 và chị H1, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Đơn kháng cáo của chị Đỗ Thị H1 và anh Phan Văn H2 làm trong thời hạn luật định nên chấp nhận xem xét, giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

[2] Xét kháng cáo của chị Đỗ Thị H1, anh Phan Văn H2:

[2.1] Chị H khởi kiện yêu cầu chị H1, anh H2 trả 05 khoản vay gồm: Ngày 05/4/2022 vay số tiền là 800.000.000 đồng, đến ngày 05/5/2022 trả được 400.000.000 đồng, còn nợ 400.000.000 đồng; Ngày 15/6/2022 vay số tiền 300.000.000 đồng; Ngày 18/7/2022 vay số tiền là 150.000.000 đồng; Ngày 12/12/2022 vay số tiền 1.300.000.000 đồng; Ngày 14/12/2022 vay số tiền 200.000.000 đồng, tổng cộng là 2.350.000.000 đồng. Chị H1 thừa nhận còn nợ 05 khoản vay trên, ngày 04/7/2022 chị H1 chuyển khoản trả 300.000.000 đồng của khoản vay ngày 15/6/2022, chỉ còn nợ lại chị H số tiền vay là 2.050.000.000 đồng.

Chị H cũng thừa nhận có nhận số tiền 300.000.000 đồng do chị H1 chuyển khoản nhưng cho rằng số tiền này chị H1 trả cho khoản tiền vay 1.000.000.000 đồng ngày 07/6/2022 chứ không phải trả số tiền 300.000.000 đồng của khoản vay ngày 15/6/2022. Đối với khoản vay 1.000.000.000 đồng ngày 07/6/2022 chị H không khởi kiện, đến khi chị H1 trình bày ngày 04/7/2022 trả số tiền 300.000.000 đồng cho khoản vay ngày 15/6/2022 thì chị H nài ra khoản vay ngày 07/6/2022 và cho rằng số tiền 300.000.000 đồng trả cho khoản vay này, khoản vay ngày 07/6/2022 chị H không khởi kiện bổ sung nên cấp sơ thẩm không xem xét trong vụ án này mà tách ra giải quyết bằng một vụ án khác khi chị H có đơn yêu cầu là có căn cứ.

Do đó, lời trình bày của chị H1 cho rằng đã trả cho chị H số tiền 300.000.000 đồng của khoản vay ngày 15/6/2022 là có cơ sở chấp nhận. Như vậy, có căn cứ xác định chị H1 còn nợ số tiền 2.050.000.000 đồng.

[2.2] Chị H1 kháng cáo cho rằng sau khi vay chị đã trả lãi cho chị H 3%/ngày và 2,5%/ngày và sau khi khấu trừ vào tiền lãi 1,66%/tháng thì số tiền lãi đã trả còn thừa 526.000.000 đồng và yêu cầu khấu trừ vào tiền vay gốc, số còn nợ lại chị đồng ý trả cho chị H. Xét thấy, chị H1 cung cấp chứng cứ là các khoản tiền chuyển khoản và tin nhắn Zalo nhưng các chứng cứ không thể hiện cụ thể tiền lãi của khoản vay nào và tính bao nhiêu %/tháng, số tiền chuyển khoản trả lãi không phù hợp với số tiền vay cho từng khoản vay, chị H1 trình bày do chuyển trả lãi gộp chung của các khoản vay và có bản tự khai về số tiền trả lãi gộp chung cho từng khoản vay nhưng chị H không thừa nhận. Mặc khác, chị H1 cho rằng số tiền 300.000.000 đồng vay ngày 15/6/2022 đã trả xong nhưng quên và tiếp tục trả lãi là chưa phù hợp. Do đó, lời trình bày của chị H1 về số tiền trả lãi không đủ cơ sở xem xét.

Người đại diện cho chị H xác nhận chị H có nhận tiền lãi do chị H1 chuyển trả nhiều lần tổng cộng là 228.750.000 đồng. Cấp sơ thẩm sau khi khấu trừ số tiền lãi chị H được nhận theo quy định của pháp luật đến ngày 14/12/2022, số còn lại khấu trừ và số tiền nợ gốc và buộc chị H1, anh H2 trả số tiền vay gốc còn nợ là 1.895.120.000 đồng là

có căn cứ. Số tiền lãi được tính trên số tiền vay gốc còn nợ từ ngày 14/12/2022 đến ngày xét xử sơ thẩm 18/9/2023 tổng cộng là 287.325.000 đồng là có căn cứ.

[2.3] Chị H1, anh H2 kháng cáo yêu cầu không buộc anh H2 liên đới chịu trách nhiệm trả nợ cho chị H. Xét thấy, chị H1 và chị H cho vay tiền qua lại nhiều lần từ năm 2021 đến nay, chị H1 vay tiền trong thời kỳ hôn nhân, hiện nay anh chị vẫn còn sống chung, số tiền vay lớn, có sử dụng tiền vào việc sinh hoạt gia đình, chị H1 và anh H2 có chuyển khoản số tiền qua lại với nhau nên cấp sơ thẩm buộc anh H2 có trách nhiệm cùng chị H1 trả nợ cho chị H là có căn cứ.

[3] Tại phiên tòa, Kiểm sát viên đề nghị không chấp nhận kháng cáo của chị H1, anh H2 là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[4] Cấp sơ thẩm tuyên số tiền lãi được tính tiếp theo là kể từ ngày bên được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án là chưa đúng theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao nên cấp phúc thẩm điều chỉnh lại thời gian tính lãi kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị H1 và anh H2 phải chịu án phí theo quy định.

[6] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do yêu cầu kháng cáo của chị H1, anh H2 không được chấp nhận nên phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ các Điều 463, 466, 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của chị Đỗ Thị H1 và anh Phan Văn H2, giữ nguyên bản án sơ thẩm:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Phạm Thị Thúy H tranh chấp hợp đồng vay tài sản đối với chị Đỗ Thị H1 và anh Phan Văn H2.

Buộc chị Đỗ Thị H1 và anh Phan Văn H2 có nghĩa vụ trả cho chị Phạm Thị Thúy H số tiền vay 1.895.120.000 đồng, tiền lãi 287.325.000 đồng. Tổng cộng 2.182.445.000 (hai tỷ một trăm tám mươi hai triệu bốn trăm bốn mươi lăm nghìn) đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (18/9/2023) cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Phạm Thị Thúy H yêu cầu chị Đỗ Thị H1 và anh Phan Văn H2 trả số tiền 300.000.000 đồng (ba trăm triệu) đồng.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Đỗ Thị H1 và anh Phan Văn H2 phải chịu 75.648.900 (bảy mươi lăm triệu sáu trăm bốn mươi tám nghìn chín trăm) đồng.

Chị Phạm Thị Thúy H phải chịu 15.000.000 (mười lăm triệu) đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm (phần yêu cầu không được chấp nhận), được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 44.560.000 (năm mươi bốn triệu năm trăm sáu mươi nghìn) đồng, theo biên lai thu số 0007987 ngày 14/3/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh. Chị H được hoàn trả lại số tiền là 29.560.000 (hai mươi chín triệu năm trăm sáu mươi nghìn) đồng.

4. Về án phí dân sự phúc thẩm: Chị Đỗ Thị H1 và anh Phan Văn H2 phải chịu 300.000 đồng, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 0008584 ngày 04/10/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh. Ghi nhận chị H1 và anh H2 đã nộp xong.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

6. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- VKSND. TTN;
- Phòng KTNV.TAT;
- TAND huyện Tân Châu;
- CCTHADS huyện Tân Châu;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

(Đã ký)

Phạm Thị Thùy Trang